

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
NHÓM TRẺ GHÉP TỪ 18 ĐẾN 36 THÁNG TUỔI
LỚP: NHÀ TRẺ HẠ THANH

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
a. Phát triển vận động						
1	18-24 tháng	Trẻ có thể bắt chước một số động tác theo cô : giơ cao tay – đưa về phía trước - sang ngang	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: Giơ lên cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau (24-36 tháng: kết hợp với lắc bàn tay)	Chân: Dạng sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên	1->9	
2	24-36 tháng	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, (24-36 tháng: Vặn người sang 2 bên)	Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.		
3	18-24 tháng	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên 2 tay và đi hết đoạn đường 1,8 m - 2 m.	Tập đi, chạy - Đi trong đường hẹp (1) - Đi theo hiệu lệnh (7,9) - Đi có mang vật trên tay (3,5)	Tập đi, chạy - Đi theo hướng thẳng (4,7) - Đi trong đường hẹp (5) - Đi bước qua dây (gậy) (2,7) - Đi bước qua vật cản (8,9) - Tập bước lên, xuống bậc thang (1,3) - Bước lên xuống bậc có vịn (2,4)	1,2,3,4,5,7,8,9	

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
4	24-36 tháng	Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay		- Đi bước qua gậy kê cao (5cm) (2,8) - Đi theo đường ngoằn ngoèo (4,7) - Đi kết hợp với chạy (7) - Chạy theo hướng thẳng (2,7) - Chạy đổi hướng (9) - Đứng co 1 chân (4)		
5	18-24 tháng	biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô	Tập tung ném - Tung bóng qua dây (1,5)	Tập tung ném - Ngồi lăn bóng (2)	1,2,3,5,7,8,9	
6	24-36 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m.		- Tung-bắt bóng cùng cô (9) - Tung bóng bằng 2 tay (2) - Ném bóng vào đích xa 1-1,2 m (7) - Ném bóng về phía trước (3,8)		
7	18-24 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản	Tập bò, trườn - Trườn về phía trước (1) - Bò chui qua cổng (3,7)	Tập bò, trườn - Bò, trườn tới đích (8,7) - Bò về phía trước (4) - Bò chui dưới gậy kê cao (8) - Bò, trườn đến vật chuẩn (2,5) - Bò về phía trước có mang vật trên lưng (6)	1,2,3,4,5,6,7,8	

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
8	24- 36 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.		Tập bò, trườn - Bò thẳng hướng có vật trên lưng (6) - Bò thẳng hướng theo đường hẹp (2) - Bò, trườn qua vật cản (5, 8)	2,5,6,8	
9	18-24 tháng	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động, ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.		Tập tung, ném - Đứng ném bóng (7,9) - Đứng tung bóng (8) - Đứng ném bóng vào đích nằm ngang (4) - Ném bóng bằng 1 tay (3)	3,4,7,8,9	
10	24-36 tháng	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)		Tập nhún bật - Bật tại chỗ (1) - Bật qua vạch kẻ (3) - Nhún bật tại chỗ (8) - Bật xa bằng 2 chân (5) - Nhún bật về phía trước (4) - Đá bóng về phía trước (4)	1,3,4,5,8	
11	18-24 tháng	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.		- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay	1,4,6,8	
12	24-36 tháng	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "		- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật		

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
		múa khéo".		- Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối.		
13	18-24 tháng	Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.		- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Đóng mở nắp có ren. - Xếp chồng 4 - 5 khối.	1->9	
14	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách		
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						
15	18-24 tháng	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.		Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	1, 2	
16	24-36 tháng	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.		
17	18-24 tháng	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa		Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	1, 2,5	
18	24-36 tháng	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.		Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa		
19	18-24 tháng	Trẻ biết "gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.		Tập một số thói quen vệ sinh tốt:	1, 2	

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
				- Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. - “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.		
20	24-36 tháng	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.		Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.		
21	18-24 tháng	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).		- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.		
22	24-36 tháng	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).		- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	1,2,5,7	

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
23		Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		Tập tự phục vụ - Xúc cơm, uống nước. - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ	3,6,9	
24	18-24 tháng	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (bếp lửa đang đun, bật lửa, bao diêm, ngọn nến, phích nước nóng, xô nước, ao, hồ, bụi rậm,..) + Không chơi gần gần ao hồ, bụi rậm,..		4,9	
25	24- 36 tháng	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng ao, cống rãnh, bụi rậm,..) khi được nhắc nhở.				
26	18-24 tháng	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên bàn (24-36 tháng: lan can), ghế..., không sờ vào ổ điện, chơi các vật sắc nhọn khi được nhắc nhở) + Không chơi dưới trời mưa; trời nắng + Không được chơi đùa ngoài trời khi đang có giông, sét.		4,9	
27	24-36 tháng	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.				

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức						
28	18-24 tháng	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi.	1->9	
29	24-36 tháng	Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả (Ngọt - mặn - chua)		
30	18-24	Trẻ biết bắt chước hành động		Hình ảnh của bản thân trong	1,3,4	

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
	tháng	đơn giản của những người thân.		gương.		
31	24-36 tháng	Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		
32	18-24 tháng	Trẻ có thể chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, (18-24 tháng) nhóm lớp.	Tên của bản thân.	1,2,4	
33	24-36 tháng	Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. - Công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.		
34	18-24 tháng	Trẻ có thể chỉ vào hoặc nói tên 1 vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	Tên, (24-36 tháng: chức năng chính) một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.		2	
35	24-36 tháng	Trẻ có thể nói được tên và một vài chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.		Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.		
36	18-24 tháng	Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân - Tên của phương tiện giao	- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc	1,3,4,5,6,7,8,9	
37	24-36	Trẻ nói được tên và một vài		- Công dụng và cách sử dụng		

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
	tháng	đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	thông gần gũi	đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Đồ dùng, đồ chơi của nhóm/lớp - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa quả quen thuộc - Đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi		
38	18-24 tháng	Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Kích thước to - nhỏ. - Màu đỏ, xanh, (24- 36 tháng: vàng).		1,3,4,7,9	
39		Trẻ biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.		Màu vàng		
40	24-36 tháng	Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ;		- Vị trí trong không gian (trên – dưới, trước – sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng (Một – nhiều) - Hình tròn /hình vuông.	2,3,7,8	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ						
41	18-24 tháng	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản : đi đến đây ; đi rửa tay...	Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	2,3,8	
42	24-36 tháng	Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.		Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.		

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
		VD: Con cất đồ chơi lên giá và đi rửa tay.				
43	18-24 tháng	Trẻ hiểu được từ "không" : dừng hành động khi nghe "Không được lấy !" ; "Không được sờ !"...		Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói	6,8,9	
44	24-36 tháng	Trẻ biết trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì ?”; “....thế nào ?”(VD: Con gà gáy thế nào?...)		- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “ Làm gì ?”; “Để làm gì?”; “ ở đâu?”; “ Như thế nào?”. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.		
45	18-24 tháng	Trẻ có thể trả lời được các câu hỏi đơn giản : "Ai đây ?"; "Con gì đây ?" ; "Cái gì đây ?"...		- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”.	1->9	
46	24-36 tháng	Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Trả lời câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý.		
47	18-24	Trẻ nhắc lại được từ ngữ và		- Gọi tên các đồ vật, con vật,	1->9	

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
	tháng	câu ngắn : con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...		hành động gần gũi. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.		
48	24-36 tháng	Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.		- Phát âm các âm khác nhau.		
49	18-24 tháng	Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	1->9	
50	24-36 tháng	Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.		
51	18-24 tháng	Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá ; mẹ đi làm...		Phát âm các âm khác nhau.	1->9	
52	24-36 tháng	Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.		
53	18-24 tháng	Trẻ có thể chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).		Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	2->9	
54	24-36 tháng	Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:		Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành		

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
		+ Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...		động quen thuộc trong giao tiếp.		
55		Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép.		Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	3->9	
56		Trẻ thích xem tranh ảnh có thể biết lật mở từng trang khi “đọc sách”		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh - Tự mở sách khi “đọc sách”	3,6,9	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ						
57	18-24 tháng	Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	Nhận biết tên gọi	Hình ảnh bản thân	2	
58	24-36 tháng	Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).		Một số đặc điểm bên ngoài bản thân.		
59		Trẻ biết Thể hiện điều mình thích và không thích.		Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	3,4	
60	18-24 tháng	Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói		Giao tiếp với cô và bạn.		

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
		với những người gần gũi.				
61	24-36 tháng	Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		Giao tiếp với những người xung quanh.	1,4	
62	18-24 tháng	Trẻ có thể cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình đối với những người xung quanh		Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	2,5,6	
63	24-36 tháng	Trẻ có thể nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.		Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.		
64	18-24 tháng	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật			5	
65	24-36 tháng	Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	Quan tâm đến các vật nuôi			
66		Trẻ có thể biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	2,5,6	
67	18-24 tháng	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở		Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	2,4,6	
68	24-36	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm		Thực hiện một số hành vi		

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
	tháng	on, ạ, vâng ạ.		văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, ‘vâng ạ’; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.		
69	18-26 tháng	Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		1->9	
70	24-36 tháng	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).				
71	18-24 tháng	Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn		Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	2,5	
72	24-36 tháng	Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn: Con đi cất đồ dùng, đồ chơi vào nơi quy định.		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.		
73		Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	3,7	
74	18-24 tháng	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân,		- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ.	1->9	

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
		lắc lư, vỗ tay...).		- Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.		
75	24-36 tháng	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.		
76	18-24 tháng	Trẻ thích vẽ, xem tranh.		Tập cầm bút vẽ.		
77	24-36 tháng	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút đi màu, vẽ nguyệt lịch ngoặc)	Xem tranh	Vẽ các đường nét khác nhau, đi màu, nặn, xé, vò, xếp hình.	1->9	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9,10 (từ ngày 08/09 đến ngày 03/10)	1	Bé vui đến trường-Tết trung thu	Bé yêu cô giáo và các bạn	1 (08-12/09)	Ngày hội đến trường của bé	
			Đồ dùng trong lớp học của bé	1 (15-19/09)		
			Đồ chơi trong lớp học của bé	1 (22-26/09)		
			Bé vui đón tết trung thu	1 (29/09-03/10)		
Tháng 10 (từ ngày 06 đến ngày 31/10)	2	Bé biết gì về bản thân	Bé là ai?	1 (06-10/10)		
			Cơ thể kỳ diệu của bé	2 (13-17/10) (20-24/10)		
			Những món ăn bé yêu thích	1 (27-31/10)		
Tháng 10,11 (từ ngày 03/10 đến ...)	3	Đồ dùng, đồ chơi của bé	Đồ dùng yêu thích của bé	2 (03-07/11) (10-14/11)	Ngày hội của cô giáo	

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Điều chỉnh bổ xung
ngày 28/11)			Ngày hội của cô giáo 20/11	1 (17-21/11)	20/11	
			Đồ chơi yêu thích của bé	1 (24-28/11)		
Tháng 12 (từ ngày 01 đến ngày 26/12)	4	Mẹ và gia đình thân yêu của bé	Mẹ của bé	1 (01-05/12)		
			Những người thân trong gia đình bé	1 (08-12/12)		
			Đồ dùng trong gia đình bé	2 (15-19/12) (22-26/12)		
Tháng 12, 01 (từ ngày 29/12 đến ngày 23/01/2026)	5	Những con vật bé yêu	Con vật nuôi trong gia đình (2 chân)	1 (29/12-02/01)		
			Con vật nuôi trong gia đình (4 chân)	1 (05-09/01)		
			Con vật sống dưới nước	1 (12-16/01)		
			Những con côn trùng bé nhỏ	1 (19-23/01)		
Tháng 1,2 (từ ngày 26/01 đến ngày 06/02)	6	Tết và mùa xuân	Mùa xuân đến rồi	1 (26-30/01)		
			Bé vui đón tết	1 (02-06/02)		
(Từ ngày 09 13/02/2026)			Lễ hội tết và mùa xuân	(09-13/02/2026		
Tháng 2,3 (từ ngày 23/02 đến ngày 27/03)	7	Bé yêu cây xanh	Cây xanh quanh bé	1 (23-27/02)		
			Ngày hội của bà, của mẹ	1 (02-06/03)	Ngày hội 08/03	
			Những bông hoa đẹp	1 (09-13/03)		
			Những quả bé yêu thích	1 (16-20/03)		
			Bé biết rau gì?	1 (23-27/03)		
Tháng 3,4 (từ ngày 30/03 đến ngày 25/04)	8	Phương tiện giao thông	Những chiếc xe đi trên đường	2 (30/03-03/04) (06-10/04)		
			Máy bay	1 (13-17/04)		
			Tàu hỏa	1 (20-25/04)		
Tháng 4,5 (từ ngày 27/04 đến	9	Mùa hè – Bé lên mẫu giáo	Mùa hè đến rồi	2 (27/04-01/05) (04-08/05)		

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Điều chỉnh bổ xung
ngày 22/05)			Trang phục mùa hè của bé	1 (11-15/05)		
			Bé lên mẫu giáo	1 (18-22/05)		
				35		

BAN GIÁM HIỆU

Thanh Nura, ngày 28 /08/2025
NGƯỜI LẬP

Phạm Tuyết Thanh

Phạm T. Hồng Huệ Lò T. Mai Xinh

Phạm Thị Thanh An